

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/DS-PT
Ngày 13-03-2020
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài
Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 316/2019/TLPT-DS ngày 02/12/2020 về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2020/QĐPT-DS, ngày 07/02/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị H; sinh năm: 1974; địa chỉ thường trú: Số 124A, đường D-Truông Tre, khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lý Văn B; sinh năm: 1970; địa chỉ thường trú: Số 5C/33, khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

2. Ông Lý Văn C; sinh năm: 1974; địa chỉ thường trú: Số 122/3, đường N, khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông Lý Văn C: Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/8/2019).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lý Văn V; sinh năm: 1967; địa chỉ thường trú: Số 126 (số cũ 5A/33), khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Phụng, sinh năm 1968; địa chỉ thường trú: Số 126 (số cũ 5A/33), khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

3. Bà Lý Thị L; sinh năm: 1963; địa chỉ liên hệ: Số 47/24, khu phố Bình Đường 1, phường An Bình, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của bà Lý Thị L là ông Lý Văn V, sinh năm: 1967; địa chỉ thường trú: Số 126 (số cũ 5A /33), khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 23/4/2019);

4. Ông Đào Xuân Huy H, sinh năm 1991; địa chỉ liên hệ: Số 47/24, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

5. Bà Lý Thị H; sinh năm: 1965; địa chỉ: Số 5/33 (Số mới 120/8), đường D- Truong Tre, khu phố B, phường D, thị xã D, Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Lý Văn V, sinh năm: 1967; địa chỉ thường trú: Số 126 (số cũ 5A/33), khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 23/4/2019);

6. Ông Lương Hoàng Đ, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 5/33 (số mới 120/8), đường D - Truong Tre, khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

7. Bà Trần Thị Minh T; sinh năm: 1990; địa chỉ thường trú: Số 21, đại lộ 3, khu phố 4, phường Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 136/5B khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

8. Bà Trần Thị Phương T; sinh năm: 1993; địa chỉ thường trú: Tổ hẻm 33, đường N, khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số 136/5B khu phố Đ, phường T, thị xã D, Bình Dương;

9. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1980, địa chỉ: 124, đường N, khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

10. Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: Số 122/3, đường N, khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

11. Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1970; địa chỉ: 173, đường N, khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Bùi Thị H, bị đơn ông Lý Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Bùi Thị H là người đại diện hợp pháp của anh Lý Hữu N trình bày:*

Ông Lý Văn T và bà Bùi Thị H là vợ chồng, trong quá trình chung sống có 01 con chung là Lý Hữu N. Ông T chết năm 2013, ngoài cháu N thì ông T không có con riêng nào khác. Cha ông T là ông Lý Văn M (mất năm 2016), mẹ ông Tr là bà Lê Thị S (mất năm 2003). Khi ông M và bà S chết không để lại di chúc, quá trình chung sống ông M, bà S có 08 người con chung gồm:

1. Lý Thị H1, đã chết năm 2017 và có con tên là Trần Thị Phương T và Trần Thị Minh T. Bà H1 có chồng tên Trần Ngọc M nhưng đã ly hôn.

2. Lý Thị L

3. Lý Thị H

4. Lý Văn V

5. Lý Văn B

6. Lý Văn T, chết năm 2013, có vợ tên là Bùi Thị H, có con tên Lý Hữu N.

7. Lý Văn C

8. Lý Thanh P, chết năm 2011, không có vợ con.

Cha, mẹ của ông Lý Văn M đều đã chết trước ông M. Khi ông M còn sống có tài sản là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 1.863,6m² thuộc thửa 1753, tờ bản đồ số 3AB.12 tọa lạc tại khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 06977 do Ủy ban nhân dân thị xã D cấp ngày 18/4/2013 (bút lục 123), khi còn sống ông M đã chia cho các con mỗi người một phần quyền sử dụng đất, mỗi người đã xây dựng nhà ở và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng. Diện tích đất còn lại của ông Lý Văn M trước khi chết là 496,3 m², trên phần đất này có căn nhà do vợ chồng bà Bùi Thị H xây dựng từ năm 2013 cho ông M ở. Sau khi ông M chết thì căn nhà này bà H sử dụng khoảng 06 – 07 tháng. Đến ngày 09/8/2018 ông C, ông B, ông V, bà L, bà H, chị Thảo làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản của ông Lý Văn M và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm sở hữu chung đối với diện tích nêu trên nhưng không cho bà H, cháu N biết và đứng tên sở hữu chung. Phần đất tranh chấp hiện nay thể hiện có một phần dùng để làm đường đi theo đo đạc thực tế là 282,7 m², con đường đi có từ khoảng năm 2017, khi những người con của ông Minh được chia đất phía trong xây dựng nhà nên có nhu cầu sử dụng đường đi ra đường N, đến đầu năm 2018 có đường bê tông như hiện nay, việc làm đường bê tông như thế nào nguyên đơn không rõ. Đối với tờ thỏa thuận của ông Lý Văn M và các con về việc chừa làm đường đi, bà H không biết, không rõ tờ thỏa thuận này được lập khi nào vì không có chữ viết, chữ ký của bà Bùi Thị H nên bà không đồng ý về việc chừa đường đi trong phần di sản thừa kế của ông Lý Văn M.

Do ông Lý Văn T đã chết trước cha là ông Lý Văn M nên cháu Lý Hữu N là người thừa kế thế vị đối với tài sản của ông Lý Văn M, tuy nhiên cháu N chưa đủ 18 tuổi nên bà Bùi Thị H là mẹ của cháu N – đại diện cho cháu N khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Lý Văn M là căn nhà có diện tích 65,8m², gắn liền quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 496,3 m² tọa lạc tại khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương cho cháu Lý Hữu N 1/7 giá trị tài sản thừa kế và yêu cầu được nhận bằng tiền theo giá mà hội đồng

định giá đã định, không đồng ý với ý kiến của các đồng thừa kế khác là điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bổ sung tên cháu Lý Hữu N là sở hữu chung.

- *Tại bản tự khai ngày 07/3/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lý Văn C trình bày:*

Thông nhất với lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về mối quan hệ nhân thân và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lý Văn M. Khi ông Lý Văn M còn sống có tài sản là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 1.863,6m² thuộc thửa 1753, tờ bản đồ số 3AB.12 tọa lạc tại khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương và ông Minh đã chia cho các con mỗi người một phần quyền sử dụng đất và các con đã bắt đầu xây dựng nhà ở ổn định từ năm 1997 và đến năm 2013 từng người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng, phần còn lại là căn nhà có diện tích 65,8m² do ông Lý Văn M xây dựng năm 2013 trên nền nhà cũ, gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế 496,3 m², phần lớn diện tích đất còn lại được sử dụng là đường đi cho những người con của ông Minh được chia đất phía trong để đi ra đường N. Con đường có từ năm 1975, do gia đình có xưởng sản xuất nhang ở phía cuối đất. Sau khi ông Minh chết, các tài sản nêu trên được sử dụng như sau: Đối với căn nhà được sử dụng làm nơi thờ cúng những người đã chết trong gia đình theo đúng di nguyện của ông Minh khi còn sống và đồng thời tiếp tục cho anh Nguyễn Ngọc H thuê để buôn bán, kinh doanh với giá 6.000.000 đồng/1 tháng (ông H thuê từ khi ông M còn sống), số tiền cho thuê dùng làm chi phí cho việc cúng, giỗ; đối với phần đất còn lại thì phần lớn diện tích được tiếp tục sử dụng làm đường đi nội bộ cho gia đình của ông Lý Văn C, ông Lý Văn B (đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh V năm 2017), ông Lý Văn V, bà Lý Thị H, bà Lý Thị L. Năm 2012, ông Lý Văn M và những người con của ông M được chia phần đất bên trong, thường xuyên sử dụng con đường đi nội bộ lập văn bản thỏa thuận là chừa con đường đi rộng 4m, dài 80m vì ngoài con đường này thì ông Lý Văn C, ông Lý Văn B, ông Lý Văn V, bà Lý Thị H, bà Lý Thị L không còn con đường nào khác ra đường N, tuy nhiên khi đi làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung cho các anh chị em trong gia đình đối với phần đất tranh chấp phần đất này đang thuộc quy hoạch đất giáo dục và đất giao thông nên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang có tranh chấp vẫn bao gồm cả diện tích đường đi.

Vào năm 2018, khi những đồng thừa kế của ông Minh có làm thủ tục để làm sở hữu chung đối với diện tích đất hiện nay đang tranh chấp thì bà H và con bà H bỏ đi khỏi địa phương và đi đâu không rõ, gia đình không liên lạc được vì vậy trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tên cháu N.

Đối với ông Trần Ngọc M là cha của Trần Thị Phương T, Trần Thị Minh T nhưng ông Trần Ngọc M và bà H đã ly hôn từ lâu, từ khoảng năm 1999 nên không còn liên quan gì đến phần đất tranh chấp nêu trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H là đại diện cho cháu Lý Hữu N về việc chia di sản của ông Lý Văn M là căn nhà có diện tích theo đo đạc thực tế là 65,8m², gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế 496,3 m², bị đơn thừa nhận đây là di sản của ông Lý Văn M nhưng không đồng ý chia mà yêu cầu bổ sung thêm tên của cháu Lý Hữu N trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung vì: Đối với căn nhà là nơi thờ cúng những người đã chết trong gia đình và phần lớn diện tích đất trống được sử dụng làm con đường đi, việc này đã được định đoạt khi ông Minh còn sống. Nếu Tòa án có căn cứ chia di sản cho cháu Lý Hữu N thì phải chừa phần đường đi nội bộ diện tích thực tế sử dụng là 282,7m², ông Lý Văn C không yêu cầu Tòa án xác định phần của từng người được hưởng trong khối di sản thừa kế của ông Lý Văn M để lại mà làm sở hữu chung, đề nghị chia cho cháu N bằng hiện vật là phần đất trống có diện tích khoảng 60m², các bên sẽ hoàn trả cho nhau giá trị chênh lệch vì hiện nay các anh chị em trong gia đình ông C kinh tế đều khó khăn, không có khả năng để hoàn trả lại giá trị bằng tiền.

- Bị đơn ông Lý Văn B trình bày:

Thông nhất với lời trình bày, ý kiến của bị đơn ông Lý Văn C và người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Văn C về quan hệ nhân thân và di sản thừa kế của ông Lý Văn M. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Nếu Tòa án có căn cứ chia di sản cho cháu Lý Hữu N thì phải chừa phần đường đi nội bộ có diện tích thực tế sử dụng là 282,7m², ông Lý Văn B không yêu cầu Tòa án xác định phần của từng người được hưởng trong khối di sản thừa kế của ông Lý Văn M để lại mà làm sở hữu chung, đề nghị chia cho cháu N bằng hiện vật là phần đất trống có diện tích khoảng 60m², các bên sẽ hoàn trả cho nhau giá trị chênh lệch vì hiện nay các anh chị em trong gia đình ông B kinh tế đều khó khăn, không có khả năng để hoàn trả lại giá trị bằng tiền.

Phần tài sản của ông B được ông Lý Văn M tặng cho khi ông Minh sống, ông B xây dựng nhà ở từ năm 2009, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh V vào năm 2017.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn V trình bày:

Thông nhất với lời trình bày, ý kiến của bị đơn ông Lý Văn C và người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Văn C về quan hệ nhân thân, về di sản thừa kế của ông Lý Văn M và thống nhất về ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hiện nay ông V và vợ ông V đang sinh sống trên phần đất của cha là ông Lý Văn M cho và ông V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng, xây dựng nhà năm 2015, ngoài lối đi nội bộ gia đình tự chừa để đi ra đường N, gia đình ông V không có lối đi nào khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị L trình bày:

Thông nhất với lời trình bày, ý kiến của bị đơn ông Lý Văn C và người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Văn C về quan hệ nhân thân và di sản thừa

kế của ông Lý Văn M. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Nếu Tòa án có căn cứ chia di sản cho cháu Lý Hữu N thì phải chừa phần đường đi nội bộ có diện tích thực tế sử dụng là 282,7m², bà Lý Thị L không yêu cầu Tòa án xác định phần của từng người được hưởng trong khối di sản thừa kế của ông Lý Văn M để lại mà làm sở hữu chung, đề nghị chia cho cháu N bằng hiện vật là phần đất trống có diện tích khoảng 60m², các bên sẽ hoàn trả cho nhau giá trị chênh lệch vì hiện nay các anh chị em trong gia đình bà kinh tế đều khó khăn, không có khả năng để hoàn trả lại giá trị bằng tiền.

Hiện nay bà L và con trai bà L là anh Đào Xuân Huy H đang sinh sống trên phần đất của cha là ông Lý Văn M cho và bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng, xây dựng nhà năm 2009 ngoài lối đi nội bộ gia đình tự chừa để đi ra đường N, gia đình bà L không có lối đi nào khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị H trình bày:

Thông nhất với lời trình bày, ý kiến của bị đơn ông Lý Văn C và người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Văn C về quan hệ nhân thân và di sản thừa kế của ông Lý Văn M. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Nếu Tòa án có căn cứ chia di sản cho cháu Lý Hữu N thì phải chừa phần đường đi nội bộ có diện tích thực tế sử dụng là 282,7m², bà Lý Thị H không yêu cầu Tòa án xác định phần của từng người được hưởng trong khối di sản thừa kế của ông Lý Văn M để lại mà làm sở hữu chung, đề nghị chia cho cháu N bằng hiện vật là phần đất trống có diện tích khoảng 60m², các bên sẽ hoàn trả cho nhau giá trị chênh lệch vì hiện nay các anh chị em trong gia đình bà kinh tế đều khó khăn, không có khả năng để hoàn trả lại giá trị bằng tiền.

Hiện nay bà H và chồng bà H ông Lương Hoàng Đ đang sinh sống trên phần đất của cha là ông Lý Văn M cho và bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng, xây dựng nhà năm 1997 ngoài lối đi nội bộ gia đình tự chừa để đi ra đường N, gia đình bà H không có lối đi nào khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Phương T trình bày:

Bà T là con của bà Lý Thị H (mất năm 2017) và ông Trần Ngọc M, tuy nhiên cha mẹ bà T đã ly hôn từ lâu, trong quá trình chung sống ông Trần Ngọc M và bà Lý Thị H có 02 con chung là bà T và bà Trần Thị Minh T. Bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nếu Tòa án có căn cứ chia di sản cho em Lý Hữu N thì phải chừa phần đường đi nội bộ có diện tích thực tế sử dụng là 282,7m², bà Trần Thị Phương T không yêu cầu Tòa án xác định phần của từng người được hưởng trong khối di sản thừa kế của ông Lý Văn M để lại mà làm sở hữu chung, đề nghị chia cho cháu N bằng hiện vật là phần đất trống có diện tích khoảng 60m², các bên sẽ hoàn trả cho nhau giá trị chênh lệch vì hiện nay những người trong gia đình bà kinh tế đều khó khăn, không có khả năng để hoàn trả lại giá trị bằng tiền.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Minh T trình bày:

Thông nhất với phần trình bày và ý kiến của bà Trần Thị Phương T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Huỳnh P, ông Lương Hoàng D, bà Nguyễn Thị Thanh P, ông Đào Xuân Huy Hg trình bày:*

Họ là những người sinh sống và sử dụng con đường đi thuộc phần đất đang tranh chấp ngoài con đường này đi ra đường N thì họ không có con đường đi nào khác. Thông nhất với lời khai và ý kiến của các bị đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H trình bày:*

Ông Nguyễn Ngọc H thuê căn nhà gắn liền đất tại địa chỉ số 124, đường N, khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương từ gia đình ông C từ tháng 6/2018 với giá thuê là 6.000.000 đồng/1 tháng, khi thuê không tu sửa gì thêm, các bên không lập hợp đồng bằng văn bản, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng thuê giữa ông và gia đình ông C.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh V trình bày:*

Ông Nguyễn Thanh V là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Lý Văn B đối với thửa đất số 1775, tờ bản đồ 80 tọa lạc tại khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương, hiện nay ông Nguyễn Thanh V đang sử dụng đường đi do gia đình ông Lý Văn B tự chừa để đi ra đường N, ngoài con đường này thì không còn đường nào khác để ra đường N.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh V không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, tuy nhiên đề nghị khi Tòa án giải quyết phải chừa đường đi ra đường đi công cộng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương, đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 68, Điều 92, Điều 189, khoản 2 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228 và Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 623, Điều 651, Điều 652, Điều 660 và Điều 661 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H – đại diện cho anh Lý Hữu N về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lý Văn M.

1.1. Xác định diện tích 282,7m² (đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 1813 tờ bản đồ 80 tọa lạc khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương là lối đi chung nội bộ (ký hiệu A - bản vẽ kèm theo) của ông Lý Văn C, ông Lý Văn B,

ông Lý Văn V, bà Lý Thị H, bà Lý Thị L, chị Trần Thị Phương T và chị Trần Thị Minh T và anh Lý Hữu N - đại diện là bà Bùi Thị H.

1.2. Xác định căn nhà có kết nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột bê tông cốt thép + cột gạch, có đồ xô nô mặt tiền, trần thạch cao, cửa sắt kính, mái diện tích $65,8m^2$ + mái che phía sau diện tích $20,5m^2$ có kết cấu nền bê tông xi măng, cột sắt V, kèo gỗ tạp + mái che phía trước gần diện tích $20,23m^2$, kết cấu nền gạch men, cột xây gạch, sắt hộp, mái tôn + mái che đường đi diện tích $39,95m^2$, kết cấu cột sắt, kèo sắt hộp, mái tôn + 02 trụ cổng bằng gạch xây tô thể tích $1,175m^3$ + 01 cổng sắt diện tích $3,6m^2$ + 01 đồng hồ nước máy + 01 đồng hồ điện kế nước và quyền sử dụng đất diện tích $213,6 m^2$ khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương là di sản thừa kế của ông Lý Văn M (ký hiệu B - bản vẽ kèm theo).

1.3. Buộc ông Lý Văn C, ông Lý Văn B, ông Lý Văn V, bà Lý Thị H, bà Lý Thị L, bà Trần Thị Phương T và bà Trần Thị Minh T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho anh Lý Hữu N - đại diện là bà Bùi Thị H số tiền 1.284.522.000 đồng.

1.4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lý Văn C, ông Lý Văn B, ông Lý Văn V, bà Lý Thị H, bà Lý Thị L, bà Trần Thị Phương T và bà Trần Thị Minh T về việc không yêu cầu xác định phần di sản được hưởng của từng người. Công nhận căn nhà diện tích có kết nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, khung cột bê tông cốt thép + cột gạch, có đồ xô nô mặt tiền, trần thạch cao, cửa sắt kính, mái diện tích $65,8m^2$ + mái che phía sau diện tích $20,5m^2$ có kết cấu nền bê tông xi măng, cột sắt V, kèo gỗ tạp + mái che phía trước gần diện tích $20,23m^2$, kết cấu nền gạch men, cột xây gạch, sắt hộp, mái tôn + mái che đường đi diện tích $39,95m^2$, kết cấu cột sắt, kèo sắt hộp, mái tôn, + 02 trụ cổng bằng gạch xây tô thể tích $1,175m^3$ + 01 cổng sắt diện tích $3,6m^2$ + 01 đồng hồ nước máy + 01 đồng hồ điện kế nước và quyền sử dụng đất diện tích $213,6 m^2$ thuộc thửa 1813 tờ bản đồ 80 tọa lạc khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương là quyền sở hữu chung của ông Lý Văn C, ông Lý Văn B, bà Trần Thị Minh T (ký hiệu B - bản vẽ kèm theo)

1.5. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS 15674 ngày 09/4/2018 đã cấp cho ông Lý Văn C, ông Lý Văn B, ông Lý Văn V, bà Lý Thị H, bà Lý Thị L, bà Trần Thị Phương T để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quyết định phân chia của Tòa án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 27/8/2019, nguyên đơn bà Bùi Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phân chia di sản thừa kế cho

cháu Lý Hữu N theo quy định pháp luật, không chấp nhận phần đường đi là di sản thừa kế nhưng không phân chia.

Ngày 04/9/2019, bị đơn ông Lý Văn C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết: Yêu cầu công nhận diện tích đất 29,3m² của các ô đất trống nhỏ hình tam giác là di sản thừa kế của ông Lý Văn M được sử dụng làm đường đi chung, không tính giá trị để phân chia di sản thừa kế và định giá lại giá trị quyền sử dụng đất (cây lâu năm) để làm căn cứ xác định lại giá trị phần tiền thanh toán cho cháu Lý Hữu N.

Kết quả định giá theo biên bản định giá ngày 12/02/2020 của Hội đồng định giá thể hiện giá đất ở vị trí 01 (tính từ hành lang đường bộ đến 50m) là 60.000.000 đồng/m²; đất trồng cây lâu năm vị trí 01 là 42.000.000 đồng/m²; đất trồng cây lâu năm vị trí 02 (từ 50m đến 100m) là 34.000.000 đồng/m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, bị đơn ông Lý Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/02/2020 của Tòa án cấp phúc thẩm thể hiện thửa 1753 đã tách thành 03 thửa là 1813, 1814, 1815 nhưng cấp sơ thẩm không giải thích rõ cho nguyên đơn để nguyên đơn thể hiện ý chí đối với yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nghĩa xin vắng mặt nên không lấy được ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đối với hai thửa đất còn lại. Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết dứt điểm, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại cấp phúc thẩm, anh Lý Hữu N đã đủ 18 tuổi nên có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự theo quy định tại Điều 69 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, bà Bùi Thị H không còn là người đại diện hợp pháp của anh Nghĩa, bà Hứa Thị Thảo không còn là người đại diện theo ủy quyền. Anh Lý Hữu N đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Huỳnh Phượng, ông Đào Xuân Huy H, ông Nguyễn Thanh V, ông Nguyễn Ngọc H, bà Trần Thị Phương T, bà Trần Thị Minh T, bà Nguyễn Thị Thanh P đã có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Các đương sự thống nhất quan hệ huyết thống, hàng thừa kế thứ nhất của ông Lý Văn M. Ông M có vợ là bà Lê Thị S đã chết năm 2003, có 08 người con gồm 1/ bà Lý Thị H (đã chết năm 2017, bà H có con là Trần Thị Phương T và Trần Thị Minh T, chồng bà H là ông Trần Ngọc M đã ly hôn); 2/ bà Lý Thị L; 3/ bà Lý Thị H; 4/ ông Lý Văn V; 5/ ông Lý Văn B; 6/ ông Lý Văn T (đã chết năm 2013, có vợ là Bùi Thị H, con là Lý Hữu N); 7/ ông Lý Văn C; 8/ ông Lý Thanh P (đã chết năm 2011, không có vợ con).

Nguyên đơn bà Bùi Thị H là mẹ của anh Lý Hữu N (là con của bà H và ông Lý Văn T, ông T đã chết năm 2013) yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Lý Văn M (cha của ông T, đã chết năm 2016), yêu cầu được nhận bằng tiền theo giá trị mà Hội đồng định giá đã định. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng phía bị đơn không đồng ý chia thừa kế vì cho rằng một phần di sản thừa kế là nhà ở được sử dụng làm nơi thờ cúng những người đã chết trong gia đình, một phần là con đường đi nội bộ là đường đi chung của các anh em là con của ông M đã được ông M tặng cho đất nên bị đơn chỉ đồng ý bổ sung tên cháu N vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung.

[3] Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2018 (bút lục 01-02), nguyên đơn bà Bùi Thị H yêu cầu chia thừa kế tài sản là thửa đất có diện tích 1.229,4m² thuộc thửa đất số 1753, tờ bản đồ số 3AB.12 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN902853, sổ vào sổ cấp GCN số CH06977 do UBND thị xã D cấp ngày 18/4/2013 cho ông Lý Văn M, đất tọa lạc tại khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương, yêu cầu được nhận một suất có giá trị 1/7 diện tích đất nêu trên, tương ứng diện tích đất khoảng 267m². Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Hồ sơ vụ án thể hiện theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN902853, sổ vào sổ cấp GCN số CH06977 cấp ngày 18/4/2013 cho ông Lý Văn M thửa đất số 1753 diện tích 1.863,6m² có nguồn gốc nhận tặng cho của bà Lý Trang Đ là con của ông Lý Văn C. Khi còn sống, ông M đã chia cho các con mỗi người một phần đất và các con đã xây dựng nhà ở ổn định, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể, biến động của thửa đất 1753 như sau:

+ Tách thửa 1765, ông M tặng cho ông Lý Văn C diện tích 420m², ông C đã được cấp sổ ngày 02/7/2013;

+ Tách thửa 1775, tặng cho ông Lý Văn B diện tích 92m², ông B đã được cấp sổ ngày 07/11/2013;

+ Tách thửa 1771, tặng cho bà Lý Thị H diện tích 90,4m², bà H đã được cấp sổ ngày 07/11/2013;

+ Tách thửa 1770, tặng cho ông Lý Văn T và bà Bùi Thị H, diện tích 202,7m² đã được cấp sổ ngày 05/9/2013;

+ Tách thửa 1766, tặng cho bà Lý Thị H diện tích 214,2m², bà H đã được cấp sổ ngày 02/7/2013;

+ Tách thửa 1769, tặng cho ông Lý Văn V diện tích 107,8m², ông V đã được cấp sổ ngày 05/9/2013.

+ Tách thửa 1772, tặng cho ông Lý Văn V diện tích 69,6m², ông V đã được cấp sổ ngày 05/9/2013.

Như vậy, tổng diện tích đất ông M đã tặng cho các con là 1.196,7m², diện tích đất còn lại là 669,7m².

Theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 09/3/2018 (bút lục 58-60) gồm bà Lý Thị H, bà Lý Thị L, ông Lý Văn V, ông Lý Văn B, ông Lý Văn C, bà Trần Thị Phương T xác định di sản thừa kế thửa đất số 1753 có diện tích 666,9m² được phân chia:

+ Phần diện tích đất 496,3m² thuộc thửa đất số 1813 gồm các ông bà: V, C, H, L, B, T cùng khai nhận toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên và thỏa thuận phân chia mỗi người 1/6 quyền sử dụng đất nêu trên. Hiện nay các ông bà V, C, H, L, B, T đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đồng sở hữu chung) diện tích 496,3m² thuộc thửa đất số 1813.

+ Phần diện tích đất 74,3m² thuộc thửa 1814 thì các ông bà gồm V, C, L, B, T đồng ý tặng cho bà H, bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 74,3m² thuộc thửa 1814 vào ngày 19/10/2018 (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H nộp khi Tòa án tiến hành thẩm định và định giá ngày 12/02/2020);

+ Phần diện tích đất 96,3m² thuộc thửa đất số 1815 thì các ông bà V, C, H, B, T đồng ý tặng cho bà L, bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/01/2019 (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L nộp khi Tòa án tiến hành thẩm định và định giá ngày 12/02/2020).

Ngày 12/02/2019, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và xác định được thửa 1753 được tách thành 03 thửa 1813, 1814, 1815 đúng như văn bản thỏa thuận nêu trên. Do đó, có cơ sở xác định phần đất của ông M để lại chưa được định đoạt khi ông M còn sống là diện tích 666,9m² gồm các thửa 1813, 1814, 1815.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá phần đất 496,3m² thuộc thửa đất số 1813 và xác định di sản thừa kế của ông M chỉ còn phần diện tích đất này là thu thập, điều tra chưa đầy đủ, chưa làm rõ và chưa giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Đối với các ô đất trống nhỏ có diện tích 8,5m²; 10,8 m²; 5,8 m²; 4,2 m² gắn liền với các thửa đất 1814, 1815, 1775, 1766 Tòa án cấp sơ thẩm xác định các phần này nằm trong tổng diện tích 213,6m² là di sản thừa kế của ông Minh đề tiến hành phân chia thừa kế là chưa phù hợp, chưa xem xét đến quyền lợi của các chủ sử dụng đất các thửa 1814, 1815, 1775 (hiện nay ông Nguyễn Thanh V

là chủ sử dụng), 1766 vì lúc này các thửa đất 1814, 1815, 1775, 1766 không nằm tiếp giáp với con đường nên không thể ra vào đất được.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Trần Thị Phương T và bà Trần Thị Minh T cùng được hưởng di sản thừa kế, cùng chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn với tư cách là một đồng thừa kế là chưa phù hợp vì bà Phương T và bà Minh T là con của bà Lý Thị H nên bà T và bà T chỉ được hưởng 01 kỷ phần thừa kế chung (không phải là 02 kỷ phần thừa kế).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn có sai sót trong việc tính án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng.

Do Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, cấp phúc thẩm không thể khắc phục, nên hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Đồng thời khi giải quyết lại vụ án Tòa án cấp sơ thẩm xem xét việc ủy quyền của nguyên đơn (anh Lý Hữu N đã đủ tuổi tham gia tố tụng).

Từ những phân tích trên, kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.
- Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Sẽ xem xét giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị H, bị đơn ông Lý Văn C.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Trả cho bà Bùi Thị H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0029190 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Trả cho ông Lý Văn C 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0029250 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã D;
- TAND thị xã D;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên Hằng